TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Quang Vinh
Ông Nguyễn Hoàng Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí P – Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị S, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H và anh L có mặt; bà S có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Năm 2008, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L quen biết nhau và chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Văn Chí L1, sinh ngày 18/9/2009. Đến năm 2001, anh L thay đổi tính tình hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu nhẹt về mắng chửi vợ con, thậm chí là đánh chị H. Chị H đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn chứng nào tật đó, không chịu thay đổi. Đến tháng 7/2021, chị H và anh L đã ly thân đến nay. Nay nhận thấy tình cảm đã không còn nên chị H yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn Chí L1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Thời gian chung sống, chị H và anh L có các tài sản chung gồm:

1/ 01 sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18 kara, chị H đang quản lý.

2/ 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 18 kara, hiện chị H đang quản lý.

3/ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda VISSON biển kiểm soát 66B1-452.36 do anh Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng đăng ký xe, hiện chị H đang quản lý.

4/ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BLADE biển kiểm soát 66B1-688.54 do anh Nguyễn Văn L đứng tên giấy đăng ký xe, hiện anh L đang quản lý.

Chị H yêu cầu chia đôi số vàng chị đang quản lý, chị và anh L mỗi người được nhận ½ số vàng là 6,25 chỉ vàng 18 kara. Chị yêu cầu được nhận chiếc xe máy nhãn hiệu VISSON và chị giao chiếc xe máy nhãn hiệu BLADE tiếp tục sở hữu, chị sẽ trả lại giá trị chênh lệch giữa 02 chiếc xe là 9.000.000 đồng cho anh L.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian sống chung, con chung và anh chị không có đăng ký kết hôn. Qua yêu cầu chị H, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn với chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Anh thống nhất giao cháu Nguyễn Văn Chí L1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Qúa trình chung sống giữa anh và chị H có các tài sản chung như sau:

1/ 20 chỉ vàng 18 kara, hiện chị H đang quản lý.

2/ 15 chỉ vàng 24 kara, hiện chị H đang quản lý.

3/ 01 bộ bàn gỗ, trị giá 9.500.000 đồng, hiện đang trong nhà bà Lê Thị S là mẹ ruột của chị H.

4/ 01 loa kẹo kéo, trị giá 9.000.000 đồng, hiện đang trong nhà bà S.

5/ 01 máy giặt, trị giá 9.500.000 đồng, hiện trong nhà bà S.

6/ 01 tủ lạnh, trị giá 8.000.000 đồng, hiện trong nhà bà S.

7/ 01 tủ áo giá trị 8.000.000 đồng, hiện trong nhà bà S.

8/ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu honda VISSON, trị giá 37.000.000 đồng, hiện chị H đang quản lý.

9/ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu honda BLADE, trị giá 19.000.000 đồng, hiện anh L đang quản lý.

10/ 01 bộ vòng 12 chỉ vàng 18 kara, trị giá 36.000.000 đồng, hiện chị H đang quản lý.

11/ 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18 kara, trị giá 6.000.000 đồng.

12/ 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18kara và 01 chiếc lắc 02 chỉ vàng 18 kara, trị giá 12.000.000 đồng, hiện do chị H quản lý.

Anh yêu cầu chia đôi số tài sản chung này, mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản 144.500.000 đồng, nếu bên nhận tài sản là vật thì sẽ trả bên còn lại giá trị tài sản chênh lệch.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L thống nhất giữa anh và chị H có các tài sản chung như chị H yêu cầu chia và cũng thống nhất theo cách chia của chị H. Ngoài ra, anh chỉ yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24 kara và 11 chỉ vàng 18 kara mà chị H đang quản lý, mỗi người được nhận 7,5 chỉ vàng 24 kara và 5,5 chỉ vàng 18 kara. Đối với những tài sản còn lại, anh rút yêu cầu, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S trình bày: Tất cả các đồ vật trong nhà bà mà anh L yêu cầu chia tài sản là của bà chứ không phải là tài sản chung của anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị H. Tài sản do chồng bà (đã chết) mua sắm nên bà không biết mua ở đâu và bà cũng không cung cấp được gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Thống nhất giao chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Chí L1, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thống nhất giữa chị H và anh L về các tài sản là 12,5 chỉ vàng 18 kara, chiếc xe nhãn hiệu Honda VISSON, chiếc xe nhãn hiệu Honda BLADE. Không chấp nhận đối với yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24kara và 11 chỉ vàng 18 kara của anh L. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn L, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L không có đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung nên phát sinh tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*".

Trong thời gian chung sống, chị H và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn chị H và anh L đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh L thống nhất giao chị H nuôi con chung tên Nguyễn Văn Chí L1 và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu. Xét thấy, chị H cũng có đầy đủ điều kiện tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh L.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh L về phần tài sản chung gồm: Chiếc xe nhãn hiệu VISSON biển số 66B1-542.36 trị giá 18.500.000 đồng; chiếc xe nhãn hiệu BLADE biển số 66B1-688.54 trị giá 18.500.000 đồng và số vàng 12,5 chỉ vàng 18 kara. Tiếp tục giao chị H chiếc xe nhãn hiệu VISSON; giao anh L chiếc xe nhãn hiệu BLADE; mỗi người nhận 6,25 chỉ vàng 18 kara. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H trả cho anh L số tiền 9.000.000 đồng là tiền chênh lệch giá trị của 02 chiếc xe.

Đối với mà anh L muốn chia thêm 15 chỉ vàng 24 kara và 11 chỉ vàng 18 kara, chị H không thống nhất có số tài sản chung này. Qúa trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung này của anh L2.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí 500.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn đã nộp và chi xong.

[2.6] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L: Giao cháu Nguyễn Văn Chí L1, sinh ngày 18/9/2009 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn L. Tiếp tục giao chị H chiếc xe nhãn hiệu VISSON biển số 66B1-452.36 trị giá 18.500.000 đồng. Giao anh L chiếc xe nhãn hiệu BLADE biển số 66B1-688.54 trị giá 9.500.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H trả cho anh L 9.000.000 đồng.

Chia đôi số vàng 12,5 chỉ vàng 18 kara chị H đang quản lý. Chị H và anh L mỗi người được nhận 6,25 chỉ vàng 18 kara.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn l về việc yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24 kara và 11 chỉ vàng 18 kara.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn L đối với các tài sản: 20 chỉ vàng 18 kara; 01 bộ bàn gỗ, 01 loa kẹo kéo, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 tủ áo; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18 kara; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18kara và 01 chiếc lắc 02 chỉ vàng 18 kara.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 2.375.000 đồng, tổng cộng 2.675.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001407 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị H còn phải nộp thêm 1.175.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.375.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.925.000 đồng theo biên lai thu số 0010257 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Hoàn trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000 đồng *(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20-3-2023).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Cương